TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4 - 2025
V/v "Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Dương Thị Lan Anh
2. Ông Giàng Seo Hồng.

-***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà*:** Ông Ngô Anh Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lồ Thị N, năm sinh 1985
Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai -Vắng mặt.
2. Bị đơn: Anh Sùng Seo D, năm sinh 1978
Địa chỉ: Thôn L, xã L1, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.
3. Người phiên dịch tiếng Mông: Anh Giàng Seo P, năm sinh 1980
Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B1, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lồ Thị N trình bày:

+Về quan hệ hôn nhân: Chị Lồ Thị N và anh Sùng Seo D về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, việc chung sống của anh chị là tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, anh D hay đi chơi, không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình, tự ý bán tài sản của gia đình để chi tiêu riêng cá nhân, khi về nhà lại chửi bới, đánh đập chị nhiều lần. Chị N đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không có kết

quả. Chị và anh D đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sùng Seo D.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N và anh D có 03 con chung là cháu Sùng Thị M, sinh ngày 06/9/2002, cháu Sùng Thị T sinh ngày 11/02/2003, cháu Sùng Seo Csinh ngày 07/5/2005. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

+ Về quan hệ tài sản: Chị Lồ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh Sùng Seo D không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến về việc chị N khởi kiện ly hôn và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại phiên tòa anh D thừa nhận anh và chị Lồ Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, chị N thường bỏ nhà đi, không quan tâm đến gia đình, để một mình anh phải nuôi con, nay chị N làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn.

+ Về con chung: Anh D thừa nhận anh chị có 03 con chung là cháu Sùng Thị M, sinh ngày 06/9/2002, cháu Sùng Thị T sinh ngày 11/02/2003, cháu Sùng Seo C sinh ngày 07/5/2005. Hiện các cháu đã trưởng thành, nhưng còn một con chung hiện chưa có gia đình, sau này cháu lập gia đình, anh đề nghị chị N phải có trách nhiệm với cháu.

+ Về quan hệ tài sản: Anh Sùng Seo D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo qui định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

+ Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Lồ Thị N và anh Sùng Seo D là vợ chồng.

+ Về con chung và tài sản: Không đề nghị giải quyết.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo qui định Pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lồ Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Sùng Seo D có địa chỉ tại thôn L, xã L1, huyện B, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Bắc Hà theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án nguyên đơn đã nhận và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Khi Toà án đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Sùng Seo D có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lồ Thị N và anh Sùng Seo D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, cho đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân giữa chị N và anh D là hôn nhân không hợp pháp; nay anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị N xin ly hôn. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lồ Thị N và anh Sùng Seo D là vợ chồng.

[4] Về con chung: Do các con chung của chị N và anh D đã trưởng thành, các cháu đều khoẻ mạnh và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Lồ Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lồ Thị N và anh Sùng Seo D là vợ chồng.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Lồ Thị N phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003890 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Chị Lồ Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Hương